

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành kèm theo quyết định số 275/QĐ-CDYT ngày 29 tháng 8 năm 2019
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh)*

Tên ngành, nghề: **HỘ SINH**
Mã ngành, nghề: 6720303
Trình độ đào tạo: Cao đẳng
Hình thức đào tạo: Chính quy (phương thức tích lũy lũy tín chỉ)
Đối tượng tuyển sinh: Học sinh tốt nghiệp THPT hoặc tương đương
Thời gian đào tạo: 03 năm

1. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ NGÀNH NGHỀ HỘ SINH

Người Hộ sinh là người hoàn thành chương trình đào tạo Hộ sinh được công nhận tại nước đó và dựa trên Năng lực thiết yếu trong thực hành cơ bản của Hộ sinh và khung chương trình chuẩn toàn cầu của Liên đoàn Hộ sinh quốc tế trong đào tạo hộ sinh, là những người cần có những phẩm chất cần thiết để được đăng kí và cấp giấy phép hành nghề hợp pháp; thể hiện năng lực của một người Hộ sinh trong thực hành.

Hộ sinh là một nghề có trách nhiệm và bổn phận giúp đỡ người phụ nữ, tư vấn và hỗ trợ cần thiết trong quá trình mang thai, chuyên dạ và sau sinh; thực hiện đỡ đẻ theo đúng trách nhiệm của hộ sinh; chăm sóc trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ. Việc chăm sóc bao gồm thực hiện các biện pháp dự phòng, khuyến khích đẻ thường, phát hiện sớm các biến chứng ở người mẹ và trẻ sơ sinh, tiếp cận các chăm sóc y tế hoặc hỗ trợ thích hợp và tiến hành xử trí cấp cứu. Hộ sinh có nhiệm vụ quan trọng trong tư vấn, giáo dục cho các bà mẹ, gia đình họ và cộng đồng. Công việc này bao gồm giáo dục trước sinh, chuẩn bị làm cha mẹ và có thể mở rộng cả sức khỏe của bà mẹ, chăm sóc sức khỏe sinh sản và tình dục, chăm sóc trẻ nhỏ. Người Hộ sinh có thể thực hành làm việc tại nhà, cộng đồng, bệnh viện, phòng khám hoặc các cơ sở y tế khác.

Ngoài ra, người Hộ sinh phải có lương tâm và trách nhiệm cao, hết lòng yêu nghề, luôn rèn luyện nâng cao phẩm chất đạo đức của người thầy thuốc. Không ngừng học tập nâng cao trình độ chuyên môn và có những sáng kiến mới để nâng cao chất lượng chăm sóc. Sẵn sàng vượt qua mọi khó khăn gian khổ vì sự nghiệp chăm sóc và bảo vệ sức khỏe bà mẹ, trẻ sơ sinh.

2. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo người Hộ sinh trình độ cao đẳng có phẩm chất chính trị, đạo đức, có ý thức phục vụ nhân dân, có kiến thức và năng lực thực hành nghề Hộ sinh ở trình độ cao đẳng, có sức khỏe, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Chương trình Hộ sinh cao đẳng nhằm đào tạo người Hộ sinh có khả năng cung cấp các dịch vụ chăm sóc sức khỏe an toàn và hiệu quả cho phụ nữ và trẻ em dưới 5 tuổi. Được trang bị đầy đủ kiến thức, kỹ năng và tâm huyết với nghề nghiệp, thực hành nghề nghiệp trong khuôn khổ quy định của luật pháp và các chính sách của Nhà nước, người Hộ sinh sẽ đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe phụ nữ và trẻ em một cách toàn diện về thể chất, tâm, sinh lý và xã hội. Đồng thời, người Hộ sinh luôn có ý thức học hỏi, chủ động phát triển nghề nghiệp cho bản thân mình, đảm bảo thực hành chuyên môn an toàn, hiệu quả.

2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1. Về kiến thức

2.2.1.1. Kiến thức chung

- Có kiến thức khoa học cơ bản, Y dược học cơ sở và có phương pháp luận trong nghiên cứu khoa học.

- Có kiến thức Ngoại ngữ đạt trình độ bậc 2/6 theo khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam (theo Thông tư 01/2014/TT- BGDĐT) hoặc tương đương.

- Có kiến thức Tin học đạt trình độ tin học cơ bản theo Thông tư 03/2014/TT- Bộ TTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Có kiến thức hiểu biết về các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; có kiến thức cơ bản về văn hóa, xã hội và pháp luật đáp ứng yêu cầu công việc nghề nghiệp và hoạt động xã hội để vận dụng vào việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trong công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe bà mẹ và trẻ em.

- Có kiến thức về các quy định của pháp luật trong công tác chăm sóc người bệnh, tuân thủ tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp.

2.2.1.2. Kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành

- Có kiến thức về giải phẫu và sinh lý cơ thể con người, đặc biệt là những thay đổi về thể chất, sinh lý và tinh thần của người phụ nữ trong các thời kỳ khác nhau của cuộc đời.

- Có kiến thức về các môn học cơ sở làm tiền đề cho việc tiếp thu các môn học chuyên ngành.

- Trình bày được các kỹ thuật điều dưỡng trong việc chăm sóc sức khỏe sản khoa, sơ sinh và phụ khoa.

- Xác định được vai trò, phạm vi thực hành nghề nghiệp của người Hộ sinh trong công tác chăm sóc sức khỏe cho phụ nữ, bà mẹ và trẻ sơ sinh.

- Mô tả, giải thích được nguyên nhân, triệu chứng để lập kế hoạch chăm sóc người phụ nữ trong quá trình mang thai, sinh đẻ, sau sinh và khi có bệnh.

- Mô tả được các kiến thức về giáo dục sức khỏe đối với người phụ nữ trong các giai đoạn của cuộc đời để tư vấn cho người bệnh, gia đình và cộng đồng.

- Có kiến thức về những trường hợp cấp cứu, những biến chứng thuộc lĩnh vực sản phụ khoa để cấp cứu ban đầu tại tuyến cơ sở hoặc chuyển tuyến trên kịp thời, an toàn.

- Có kiến thức về các quy định của luật khám chữa bệnh để hành nghề theo quy định của pháp luật và phù hợp với chức trách, nhiệm vụ, năng lực chuyên môn trong phạm vi quy định của nghề nghiệp.

2.2.2. Về kỹ năng

- Kỹ năng tin học: Biết sử dụng các chương trình tin học văn phòng, bảng tính Excel, PowerPoint và đặc biệt là biết cách sử dụng phần mềm thống kê y học để thực hiện công việc hàng ngày và ứng dụng vào công tác nghiên cứu khoa học.

- Kỹ năng ngoại ngữ: Biết sử dụng ít nhất một ngoại ngữ để có thể đọc, hiểu được tài liệu chuyên môn và có khả năng giao tiếp ở trình độ thông thường.

- Có kỹ năng nhận thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp và kỹ năng giao tiếp ứng xử cần thiết để giải quyết những công việc hoặc vấn đề phức tạp, làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm hướng dẫn tối thiểu, giám sát, đánh giá đối với nhóm thực hiện những nhiệm vụ xác định.

- Thực hiện được quy trình tiếp nhận người bệnh vào viện và hướng dẫn được cho người bệnh các thủ tục, giấy tờ cần thiết cho người bệnh ra viện.

- Phát hiện sớm được những trường hợp cấp cứu, những biến chứng thuộc lĩnh vực sản phụ khoa để giải quyết tại tuyến y tế cơ sở hoặc chuyển tuyến trên kịp thời, an toàn.

- Chẩn đoán, tiên lượng, xử trí được những vấn đề thông thường: đẻ đường dưới không can thiệp, bệnh phụ khoa thông thường, sơ sinh, dân số và kế hoạch hóa gia đình.

- Giao tiếp, phối hợp có hiệu quả với bác sĩ, đồng nghiệp, khách hàng trong học tập và công tác chăm sóc người bệnh. Đồng thời thực hiện được công tác tư vấn, truyền thông, giáo dục sức khỏe có hiệu quả cho phụ nữ và gia đình của họ.

- Thực hiện đúng y lệnh của bác sĩ, đề xuất được các biện pháp xử lý hợp lý, phối hợp với bác sĩ để chăm sóc và nâng cao sức khỏe cho phụ nữ và trẻ em.

- Thực hiện được chăm sóc bà mẹ thời kỳ thai nghén, trong chuyển dạ đỡ đẻ sạch, an toàn, đảm bảo sức khỏe tốt nhất cho mẹ và bé; dự phòng và phát hiện sớm tai biến sản khoa để xử trí hoặc chuyển tuyến kịp thời.

- Thực hiện chăm sóc bà mẹ sau đẻ và trẻ sơ sinh theo phân cấp chăm sóc phù hợp với văn hóa.

- Lập kế hoạch, thực hiện và tổ chức thực hiện quy trình chăm sóc.

N D
TRU
CAO
Y
HÀ

- Tham gia làm tốt công tác quản lý ngành, tổ chức và đào tạo các nghề hộ sinh, nhân viên y tế.
- Tư vấn giáo dục sức khỏe cho người bệnh và cộng đồng.
- Phối hợp thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu, kế hoạch hoá gia đình, nâng cao sức khỏe cộng đồng và bảo vệ môi trường.
- Có khả năng giao tiếp, viết, thuyết trình, thảo luận, đàm phán và làm chủ tình huống.
- Tham gia tổ chức và quản lý các nguồn lực, dịch vụ cũng như môi trường làm việc.
- Có khả năng xử trí thành thạo những vấn đề thông thường: đẻ đường dưới không can thiệp, bệnh phụ khoa thông thường, sơ sinh, dân số và kế hoạch hóa gia đình.
- Có khả năng tự đào tạo và đào tạo liên tục về chuyên môn và rèn luyện y đức.
- Thiết lập kế hoạch và quản lý thời gian làm việc một cách hiệu quả.
- Thực hiện chăm sóc toàn diện, phù hợp nhu cầu cá nhân, mang tính cá biệt và tôn trọng yếu tố văn hóa, tín ngưỡng liên quan đến phá thai cho những phụ nữ muốn kết thúc thai nghén hoặc những phụ nữ bị sảy thai, theo quy định của luật pháp và theo hướng dẫn quốc gia về dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản.

2.2.3. Về mức độ tự chủ và tự chịu trách nhiệm

- Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi;
- Có ý thức học tập, rèn luyện và nâng cao trình độ chuyên môn.
- Chịu trách nhiệm về công việc được phân công.
- Thận trọng, tỉ mỉ, tự chịu trách nhiệm với kết quả công việc của mình.
- Tuân thủ đúng các quy định về y đức, quy chế chuyên môn, quy định của pháp luật liên quan tới lĩnh vực Hộ sinh và các quy trình kỹ thuật của ngành y tế.
- Chủ động xin ý kiến cấp trên trong trường hợp vượt quá thẩm quyền cho phép.
- Phối hợp tốt với đồng nghiệp và người bệnh trong làm việc nhóm và thực hiện công việc được giao.
- Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.

2.3. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

Sau khi học xong chương trình cao đẳng Hộ sinh, người học có thể làm tại các cơ sở khám chữa bệnh công lập và ngoài công lập, các cơ sở khám bệnh tư nhân, các trung tâm cấp cứu cộng đồng, trung tâm y tế dự phòng, thực hiện chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em, có thể làm các vị trí.

1. Khám thai và quản lý thai nghén.
2. Chăm sóc bà mẹ trong chuyển dạ và sinh đẻ.
3. Chăm sóc bà mẹ và trẻ sơ sinh sau sinh.

4. Chăm sóc sức khỏe sinh sản và kế hoạch hóa gia đình.

2.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ

Có khả năng tự học hỏi và nghiên cứu, tìm hiểu trong môi trường làm việc để nâng cao trình độ kiến thức chuyên môn nghề nghiệp, kỹ năng trong tổ chức các hoạt động nghề nghiệp, đáp ứng đòi hỏi trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Có năng lực để tham gia học liên thông lên các bậc học cao hơn để phát triển kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp đáp ứng nhu cầu của bản thân và nghề nghiệp.

3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TỐI THIỂU VÀ THỜI GIAN KHÓA HỌC

- Thời gian khóa học: 03 năm sau khi tích lũy đủ số tín chỉ cần thiết.
- Số lượng môn học/học phần: 38
- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 112 tín chỉ; 2940 giờ
- Khối lượng các môn học chung và đại cương: 555 giờ
- Khối lượng các môn học cơ sở: 510 giờ
- Khối lượng các môn học chuyên môn: 1605 giờ
- Khối lượng lý thuyết: 861 giờ; Thực hành, thực tập: 1622 giờ
- Thi, kiểm tra: 123 giờ

4. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

4.1. Môn học/mô đun

Mã học phần	Tên môn học/mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập			
			Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ bài tập/ thảo luận	Thi/ Kiểm tra
I	Các môn học chung /đại cương	29	555	285	240	30
MH1	Giáo dục Chính trị	5	75	41	29	5
MH2	Pháp luật	2	30	18	10	2
MH 3	Tin học	3	75	15	58	2
MH 4	Ngoại ngữ (I, II)	6	120	57	57	6
MH 5	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
MH 6	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	3	75	36	35	4

MH 7	Xác suất, Thống kê y học	2	30	28	0	2
MH 8	Sinh học và Di truyền	2	30	28	0	2
MH 9	Hóa học	2	30	29	0	1
MH10	Vật lý đại cương và Lý sinh	2	30	28	0	2
II	Môn học cơ sở	24	510	210	166	32
MH11	Giải phẫu- Sinh lý	4	90	29	57	4
MH12	Hoá sinh	2	45	14	27	4
MH13	Vi sinh vật - Ký sinh trùng	2	45	14	27	4
MH14	Sinh lý bệnh	2	45	15	27	3
MH15	Dược lý	2	45	14	28	3
MH16	Điều dưỡng cơ sở	4	120	14	57/43	6
MH17	Sức khỏe - Nâng cao sức khỏe & hành vi con người - Dinh dưỡng - Tiết chế	3	45	42	0	3
MH18	Sức khỏe - Môi trường và vệ sinh - Dịch tễ các bệnh truyền nhiễm	3	45	42	0	3
MH19	Y đức và Tổ chức Y tế	2	30	28	0	2
III	Các môn học chuyên môn	50	1605	308	1084	52
MH20	Kiểm soát nhiễm khuẩn	2	60	14	44	2
MH21	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ và nam học	4	120	28	88	4
MH22	Chăm sóc thai nghén	4	120	28	88	4
MH23	Chăm sóc chuyên dạ và đẻ thường	3	60	28	29/88	3
MH24	Chăm sóc chuyên dạ và đẻ khó	3	60	28	29/88	3
MH25	Chăm sóc sau đẻ	2	60	14	44	2
MH26	Chăm sóc sơ sinh	2	60	14	44	2
MH27	Chăm sóc trẻ dưới 5 tuổi	3	75	28	44	3
MH28	Chăm sóc Hộ sinh nâng cao	4	120	28	88	4
MH29	Chăm sóc sức khỏe cộng đồng	2	60	14	44	2
MH30	Dân số - Kế hoạch hoá gia đình	3	135	28	28/88	4
MH31	Quản lý Hộ sinh và thực hành nghiên cứu khoa học	3	60	28	28	4
MH32	Hộ sinh quốc tế và phát triển nghề nghiệp hộ sinh:	2	30	28	0	2
MH33	Lâm sàng Hộ sinh	3	135	0	132	3
MH34	Thực tế ngành và đánh giá năng lực cuối khóa	10	450	0	440	10

IV	Môn học tự chọn	9	270	56	132	9
MH35	Phá thai an toàn và toàn diện	3	90	14	29/44	3
MH36	Chăm sóc sức khỏe sinh sản vị thành niên	2	60	14	44	2
MH37	Chăm sóc sức khỏe sinh sản người cao tuổi	2	60	14	44	2
MH38	Y học cổ truyền	2	60	14	44	2
	Tổng	112	2940	861	1622	123

4.2. Phân bố thời gian học

Mã học phần	Tên môn học/mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập			
			Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ bài tập/ thảo luận	Thi/ Kiểm tra
I	Học kì I					
MH 1	Giáo dục Chính trị	5	75	41	29	5
MH 3	Tin học	3	75	15	58	2
MH 6	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	3	75	36	35	4
MH 7	Xác suất, Thống kê y học	2	30	28	0	2
MH 8	Sinh học và Di truyền	2	30	28	0	2
MH 9	Hóa học	2	30	29	0	1
MH10	Vật lý đại cương và Lý sinh	2	30	28	0	2
MH19	Y đức và Tổ chức Y tế	2	30	28	0	2
	Học kì II					
MH 5	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
MH11	Giải phẫu- Sinh lý	4	90	29	57	4
MH12	Hoá sinh	2	45	14	27	4
MH13	Vi sinh vật - Ký sinh trùng	2	45	14	27	4
MH14	Sinh lý bệnh	2	45	15	27	3
MH15	Dược lý	2	45	14	28	3
MH16	Điều dưỡng cơ sở	4	120	14	57/43	6

Học kì III						
MH 2	Pháp luật	2	30	18	10	2
MH18	Sức khỏe - Môi trường và vệ sinh - Dịch tễ các bệnh truyền nhiễm	3	45	42	0	3
MH20	Kiểm soát nhiễm khuẩn	2	60	14	44	2
MH22	Chăm sóc thai nghén	4	120	28	88	4
MH23	Chăm sóc chuyển dạ và đẻ thường	3	60	28	29/88	3
Học kì IV						
MH17	Sức khỏe - Nâng cao sức khỏe & hành vi con người - Dinh dưỡng - Tiết chế	3	45	42	0	3
MH24	Chăm sóc chuyển dạ và đẻ khó	3	60	28	29/88	3
MH25	Chăm sóc sau đẻ	2	60	14	44	2
MH26	Chăm sóc sơ sinh	2	60	14	44	2
MH27	Chăm sóc trẻ dưới 5 tuổi	3	75	28	44	3
Học kì V						
MH21	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ và nam học	4	120	28	88	4
MH28	Chăm sóc Hộ sinh nâng cao	4	120	28	88	4
MH29	Chăm sóc sức khỏe sinh sản cộng đồng	2	60	14	44	2
MH30	Dân số - Kế hoạch hoá gia đình	3	135	28	28/88	4
MH31	Quản lý Hộ sinh và thực hành nghiên cứu khoa học	3	60	28	28	4
Học kì VI						
MH 4	Ngoại ngữ (I, II)	6	120	57	57	6
MH32	Hộ sinh quốc tế và phát triển nghề nghiệp hộ sinh:	2	30	28	0	2
MH35	Phá thai an toàn và toàn diện	3	90	14	29/44	3
MH36	Chăm sóc sức khỏe sinh sản vị thành niên	2	60	14	44	2
MH37	Chăm sóc sức khỏe sinh sản người cao tuổi	2	60	14	44	2
MH38	Y học cổ truyền	2	60	14	44	2
MH33	Lâm sàng Hộ sinh	3	135	0	132	3
MH34	Thực tế ngành và đánh giá năng lực cuối khóa	10	450	0	440	10

5. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

5.1. Hướng dẫn xác định thời gian học tập và các hoạt động ngoại khóa

Khóa đào tạo được thực hiện trong 3 năm, mỗi năm có 2 học kỳ chính và một học kỳ phụ. Học kỳ chính có 15 tuần thực học, 2 tuần thi, 1 tuần dự trữ. Học kỳ hè có 6 tuần thực hiện cho cả việc học và thi. Ngoài ra sinh viên được nghỉ tết 2 tuần, nghỉ các ngày lễ theo quy định của Nhà nước.

5.2. Hướng dẫn thi, kiểm tra các môn học

Mỗi môn học được đánh giá bằng 3 loại điểm: Điểm kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra định kỳ và điểm thi kết thúc môn học (các điểm này được quy định chi tiết trong từng đề cương môn học)

- Điểm kiểm tra thường xuyên: Do giảng viên chủ động về hình thức và chủ đề, qua việc đánh giá thường xuyên khi lên lớp. Trung bình cộng các điểm này (làm tròn đến phần nguyên) là điểm kiểm tra thường xuyên.

- Điểm kiểm tra định kỳ: Mỗi môn học có ít nhất 1 điểm kiểm tra định kỳ, hình thức và thời gian do giáo viên giảng dạy quyết định, thang điểm 10 và làm tròn đến phần nguyên.

Trọng số điểm kiểm tra thường xuyên và kiểm tra định kì chiếm 40% trọng số điểm của môn học.

- Điểm thi kết thúc môn học: Kết thúc học kỳ, Nhà trường tổ chức thi hết các môn trong học kỳ đó, kỳ thi hết môn được Hội đồng triển khai trên cơ sở bộ công cụ đánh giá do bộ môn xây dựng. Việc coi thi, chấm thi và công bố điểm thi theo quy trình và giám sát chặt chẽ. Điểm thi hết môn làm tròn đến phần nguyên và có trọng số 60% điểm môn học.

- Điểm môn học = 40%* (Σ Điểm kiểm tra thường xuyên + 2* Σ Điểm kiểm tra định kỳ) + 60%* Điểm thi hết môn. Điểm môn học làm tròn đến một chữ số thập phân. Điểm môn học còn được quy đổi thành các điểm A, B, C, D, E tương ứng.

5.3. Hướng dẫn đánh giá tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp

Sinh viên kết thúc khóa học sẽ được đánh giá tốt nghiệp bằng 1 kỳ thi năng lực cuối khóa. Hội đồng khoa học và đào tạo của Nhà trường có trách nhiệm xây dựng tiêu chí và nội dung cho công cụ đánh giá này. Hội đồng tốt nghiệp có nhiệm vụ triển khai đánh giá theo công cụ đã ban hành, kế hoạch tổ chức kỳ thi đánh giá này được công khai trước ngày tổ chức ít nhất 5 tháng.

Những sinh viên như sau được xét công nhận tốt nghiệp:

- Đã hoàn thành khối lượng tín chỉ tích lũy theo Chương trình đã ban hành. 100% các môn học trong Chương trình đào tạo có điểm các môn học $\geq 5,0$
- Được đánh giá mức đạt trong kì đánh giá năng lực cuối khóa.
- Có Chứng chỉ giáo dục thể chất, giáo dục Quốc phòng và an ninh.
- Đã hoàn thành các nghĩa vụ tài chính (học phí, bảo hiểm...) với Nhà trường;
- Đang không trong thời kỳ truy cứu trách nhiệm hình sự.

- Có đơn đăng ký xét công nhận tốt nghiệp.

Chậm nhất 30 ngày kể từ ngày ký Quyết định công nhận tốt nghiệp. Nhà trường sẽ tổ chức lễ tốt nghiệp và trao bằng cho người học.

Hà Tĩnh, ngày 29 tháng 8 năm 2019

HIỆU TRƯỞNG 



TS. Trần Xuân Hoan